

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**PHẦN A. KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT NĂM 2023****I. Thực hiện nhiệm vụ quản trị và điều hành của HĐQT và Ban TGD**

- HĐQT và Ban điều hành đã thực hiện đúng Điều lệ của PVI, Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2023 và tổ chức thực hiện, giám sát việc thực hiện các nghị quyết HĐQT
- Công tác quản trị doanh nghiệp: PVI liên tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác quản trị doanh nghiệp, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, trong đó: Xây dựng và điều chỉnh hệ thống các quy trình quy chế hoạt động, quản lý, quản trị một cách đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả trong quản trị rủi ro; Tăng cường giám sát, rà soát, điều chỉnh bộ máy điều hành; Chú trọng chỉ đạo và triển khai công tác kiểm tra giám sát định kỳ và thường xuyên tại các công ty con.
- Công tác kiểm toán nội bộ: Ban KTNB đã bám sát và hoàn thành kế hoạch hoạt động đã được HĐQT phê duyệt. Sau mỗi cuộc kiểm toán, KTNB đều có kiến nghị để các đơn vị hoàn thiện quy định nội bộ, công tác tuân thủ, cơ chế kinh doanh và tài chính kế toán. KTNB đã xây dựng cơ chế giám sát các đơn vị thực hiện các kiến nghị tại các biên bản kiểm toán.

Ban KTNB đã thực hiện đầy đủ các báo cáo theo quy định. Ngoài các hoạt động kiểm tra nói trên, trong năm 2023, Ban KTNB đã tham mưu cho HĐQT sửa đổi bổ sung, trình Quy trình Kiểm toán nội bộ phù hợp với tình hình quản trị tại PVI; đã thực hiện rà soát và đóng góp ý kiến trong việc xây dựng và ban hành hệ thống các văn bản Quy chế, Quy định của HĐQT.

- Công tác giám sát với vai trò người đại diện giám sát tại các công ty con: HĐQT đã thông qua chủ trương thành lập Ban Kiểm toán nội bộ, cử người đại diện của PVI phụ trách công tác Kiểm toán nội bộ tại các công ty con gồm Bảo hiểm PVI và Tái bảo hiểm PVI để tuân thủ và thực hiện theo quy định của Luật KDBH.
- Công tác pháp chế, tuân thủ và quản trị rủi ro: PVI đã triển khai và liên tục cập nhật Hệ thống Quản trị rủi ro doanh nghiệp và Kiểm soát tuân thủ tại PVI (ERM) để nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp. PVI đã áp dụng các kết quả của dự án vào hoạt động quản trị điều hành của Công ty. Trong năm 2023, PVI đã ban hành và áp dụng các quy chế, quy định về tuân thủ và quản trị rủi ro tại PVI và các công ty con bao gồm: Khẩu vị rủi ro, Quy chế Quản lý dữ liệu... Ngoài ra đối với các rủi ro cụ thể, công ty cũng đã triển khai bổ sung các biện pháp kiểm soát nhằm ngăn ngừa, phát hiện và ứng phó rủi ro.

Sau khi hoàn thành và áp dụng Dự án Quản trị rủi ro, PVI đã đáp ứng toàn bộ các yêu cầu mới về quản trị doanh nghiệp đối với hoạt động quản trị rủi ro của Luật kinh doanh Bảo hiểm được áp dụng từ 01/01/2023. PVI đã bắt đầu áp dụng các mô hình tính vốn dựa trên rủi ro theo thông lệ Châu Âu cũng như các công cụ, mô hình đo lường rủi ro vào hoạt động quản trị rủi ro của Công ty.

Song song với đó, việc thực hiện chức năng Pháp chế và Tuân thủ cũng được đẩy mạnh và nâng cao. Việc áp dụng các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro tuân thủ được đẩy mạnh, tăng cường kiểm soát của bộ phận tuân thủ, pháp chế trong các giao dịch hàng ngày ...đã góp phần nâng cao văn hóa tuân thủ, tính minh bạch và đảm bảo hoạt động kinh doanh của PVI đúng quy định của Pháp luật.

II. Kết quả thẩm định Báo cáo kết quả kinh doanh:

- Báo cáo kết quả kinh doanh của PVI đã phản ánh đầy đủ, chính xác các mặt hoạt động và kết quả kinh doanh trong năm 2023.
- PVI đã thực hiện vượt mức các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông giao năm 2023.

+ Thực hiện kế hoạch kinh doanh hợp nhất:

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	% TH/KH
I	Tổng doanh thu	13.554	16.083	119%
II	Lợi nhuận trước thuế	991	1.246	126%
III	Lợi nhuận sau thuế	793	1.007	127%
IV	Nộp ngân sách NN	931	1.099	118%

Tổng doanh thu hợp nhất năm 2023 của PVI đạt **16.083 tỷ đồng**, hoàn thành **119%** kế hoạch năm 2023, trong đó: Doanh thu hoạt động bảo hiểm: **14.466 tỷ đồng**, hoàn thành **118%** KH. Doanh thu hoạt động tài chính, cho thuê VP và khác: **1.617 tỷ đồng**, hoàn thành **140%** KH năm 2023.

- Lợi nhuận trước thuế đạt: **1.246 tỷ đồng**, hoàn thành **126%** kế hoạch
- Lợi nhuận sau thuế đạt: **1.007 tỷ đồng**, hoàn thành **127%** kế hoạch
- Nộp ngân sách nhà nước đạt **1.099 tỷ đồng**, hoàn thành **118%** kế hoạch.

+ Thực hiện kế hoạch kinh doanh Công ty mẹ:

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	% TH/KH
I	Tổng doanh thu	1.094	1.126	103%
II	Lợi nhuận trước thuế	721	788	109%
III	Lợi nhuận sau thuế	705	764	108%
IV	Nộp ngân sách NN	44	82	187%
V	Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến (%)	28,5%	32%	112%

- Tổng doanh thu đạt **1.126 tỷ đồng**, hoàn thành **103%** kế hoạch năm 2023;
- Lợi nhuận trước thuế đạt **788 tỷ đồng**, hoàn thành **109%** kế hoạch năm 2023;
- Lợi nhuận sau thuế đạt **764 tỷ đồng**, hoàn thành **108%** kế hoạch năm 2023;

Năm 2023, PVI hoàn thành vượt mức kế hoạch Doanh thu và Lợi nhuận phần lớn là từ hoạt động đầu tư tài chính. Với kết quả này, HĐQT PVI trình ĐHĐCĐ tỷ lệ chi trả cổ tức là 32% cho năm 2023, cao hơn tỷ lệ 28,5% được ĐHĐCĐ giao.

III. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính

BKS đánh giá PVI đã thực hiện việc tổ chức hạch toán kế toán, mở sổ kế toán theo đúng các quy định. Sổ sách kế toán được ghi chép một cách kịp thời, phản ánh trung thực các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh.

BKS xác nhận Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo hợp nhất của PVI được lập tại ngày 31/12/2023 đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cũng như kết quả kinh doanh và hoạt động lưu chuyển tiền tệ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định về kế toán có liên quan tại Việt Nam. Các báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của PVI cũng đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Deloitte Việt Nam với ý kiến chấp nhận toàn phần và được công bố theo đúng quy định.

1. Đối với BCTC Công ty mẹ:

1.1. Tình hình tài chính tại thời điểm báo cáo:

a. Các chỉ tiêu chính:

Đơn vị: Triệu đồng

TÀI SẢN				NGUỒN VỐN			
Diễn giải	31/12/2022	31/12/2023	So sánh (%)	Diễn giải	31/12/2022	31/12/2023	So sánh (%)
A. Tài sản NH	1.312.427	607.263	46%	A. Nợ phải trả	465.897	338.865	73%
1. Tiền và TĐ tiền	170.351	236.596	139%	1. Nợ ngắn hạn	249.846	123.997	50%
2. Đầu tư TCNH	252.830	140.000	55%	1.1. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20.757	36.698	177%
3. Phải thu ngắn hạn	846.920	205.255	24%	1.2. Phải trả NH người bán và khác	1.975	8.325	422%
4. Trích lập DP phải thu NH khó đòi	(87)	(160)	183%	1.3. Thuế và các khoản PNNN	14.901	18.373	123%
5. Hàng tồn kho	312	320	102%	1.4. Phải trả ngắn hạn khác	169.807	14.872	10%
6. TS NH khác	42.013	25.092	60%	2. Nợ dài hạn	216.051	214.867	99%
B. Tài sản dài hạn	6.302.344	6.906.987	110%	B. Vốn CSH	7.148.874	7.175.386	100%
1. Tài sản cố định	92.594	103.090	111%	1. Vốn góp của Chủ sở hữu	2.342.419	2.342.419	100%
2. BĐS Đầu tư	939.833	904.230	96%	2. Thặng dư vốn cổ phần	3.716.659	3.716.659	100%
3. Đầu tư tài chính DH	5.235.616	5.860.526	112%	3. Quỹ đầu tư phát triển	179.212	179.212	100%
4. Trích dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(34.365)	(37.990)	111%	4. Lợi nhuận chưa phân phối	910.584	937.096	103%
5. Phải thu dài hạn	10	10	100%	4.1. LNST CPP lũy kế đến cuối kỳ trước	94.407	172.763	183%
6. Tài sản dài hạn khác	34.291	39.131	114%	4.2. LNST chưa PP kỳ này	816.177	764.333	94%
Tổng tài sản	7.614.771	7.514.250	99%	Tổng nguồn vốn	7.614.771	7.514.250	99%

- Tại ngày 31/12/2023, Tổng tài sản công ty mẹ là 7.514 tỷ đồng, giảm 100 tỷ đồng (1%) so với thời điểm 31/12/2022. Trong năm 2023, trên BCTC có sự dịch chuyển từ TSNH sang TSDH do tăng vốn góp (628,5 tỷ đồng) cho Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Hà Nội (HanoiRe).

- Cơ cấu Tài sản - Nguồn vốn của Công ty thể hiện tính thanh khoản tốt và an toàn về tài chính. Tỷ lệ thanh toán nợ đến hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn) là 4,9 lần. Tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu là 0,05 lần.

b. Các chỉ số tài chính:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023
1	Nợ phải trả/Tổng Nguồn vốn (lần)	0,06	0,05
2	Nợ phải trả/Vốn Chủ sở hữu (lần)	0,07	0,05
3	Khả năng thanh toán nhanh (lần)	1,69	3,04
4	Khả năng thanh toán hiện thời (lần)	5,25	4,9
5	Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	16,34	22,17
6	ROE (%)	11,4%	10,7%
7	ROA (%)	10,8%	10,1%
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu (ROS) (%)	56%	68%

- Các chỉ số về nợ phải trả về cơ bản ổn định so với năm 2022.
- Khả năng thanh toán tổng quát (tổng tài sản/nợ phải trả) của công ty tăng mạnh (36%) so với năm 2022 cho thấy công ty đảm bảo sự ổn định về hoạt động và tình hình tài chính an toàn. Nguyên nhân chính là do giảm phải trả ngắn hạn khác liên quan đến chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh. Với các chỉ số này công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán ở mức cao.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu (ROS) được cải thiện từ 56% lên 68% là chủ yếu xuất phát từ việc tốc độ giảm về lợi nhuận sau thuế (-6%) thấp hơn tốc độ giảm về tổng doanh thu (-22%) do năm 2022 phát sinh doanh thu đột biến từ chuyển nhượng bất động sản.
- Các chỉ số ROE và ROA có giảm nhẹ so với năm 2022 chủ yếu do năm 2022 phát sinh hoàn nhập dự phòng giảm giá bất động sản đầu tư.

1.2. Phân tích cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

a. Công tác quản lý vốn bằng tiền (Tiền mặt, Tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn, Tạm ứng và Đầu tư tài chính):

- Trong năm 2023, HĐQT PVI đã ban hành Nghị quyết số 38/NQ-PVI ngày 05/04/2023 và 85/NQ-PVI ngày 05/12/2023 về Sửa đổi Phụ lục Quy chế Đầu tư; Nghị quyết số 71/NQ-PVI ngày 29/09/2023 về sửa đổi bổ sung Quy chế đầu tư; Các Quyết định của UB Đầu tư về việc phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng đủ điều kiện thực hiện đầu tư tiền gửi năm 2023-2024 nhằm nâng cao công tác quản lý vốn trước các diễn biến bất thường của thị trường.
- HĐQT PVI cũng ban hành Nghị quyết số 70/NQ-PVI ngày 28/09/2023 về sửa đổi bổ sung Quy chế Quản lý chi phí nhằm cập nhật quy định về việc quản lý, thanh toán các khoản chi phí; cũng như quy định các định mức, hướng dẫn cách thức thực hiện và thanh toán các khoản chi phí, mua sắm và Nghị quyết số 72/NQ-PVI ngày 29/09/2023 về Quy chế Quản lý tài chính để cập nhật, tăng cường công tác quản trị tài chính tại công ty và các đơn vị trong hệ thống.
- Trong năm công ty không có phát sinh công nợ tạm ứng quá hạn. Các khoản thanh toán chi phí hàng ngày được thực hiện đúng theo quy định.
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn đã tuân thủ theo đúng các quy định tại Quy chế Quản lý tài chính và Quy chế Đầu tư thể hiện ở việc đầu tư tiền gửi tại các ngân hàng thuộc danh

sách được phê duyệt, tuân thủ các quy định về hạn mức, tỷ lệ phân bổ giữa các nhóm Ngân hàng...

- Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Tại ngày 31/12/2023, số dư đầu tư tài chính dài hạn tăng xấp xỉ 625 tỷ đồng do góp vốn bổ sung cho công ty con (Tái bảo hiểm Hà Nội).

Đơn vị tính: Triệu đồng

	31/12/2022	31/12/2023	Chênh lệch	Tỷ lệ
1. Tiền	170.351	35.914	(134.437)	(79%)
2. Các khoản tương đương tiền	-	200.682	200.682	
3. Đầu tư tài chính ngắn hạn	252.830	140.000	(112.830)	(45%)
4. Đầu tư tài chính dài hạn	5.235.616	5.860.526	624.911	12%

b. Quản lý công nợ phải thu:

- Nợ phải thu tại 31/12/2023 là 205 tỷ đồng giảm 641 tỷ đồng so với đầu năm, chủ yếu do giảm phải thu ngắn hạn khác 571 tỷ đồng liên quan đến khoản tiền góp vốn bổ sung cho Tái bảo hiểm Hà Nội chờ phê duyệt của cơ quan quản lý Nhà nước.
- Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi chỉ là 160 triệu đồng. Trong kỳ, công ty đã quản lý tốt các khoản công nợ phải thu.

c. Công tác xử lý hàng hóa thừa/thiếu sau kiểm kê:

Hội đồng kiểm kê tài sản của PVI được thành lập theo QĐ số 202/QĐ-PVI ngày 12/12/2023 đã thực hiện đúng các quy định của Pháp luật và quy định nội bộ của PVI khi phát sinh các tình huống trong việc kiểm kê tài sản công cụ dụng cụ tại ngày 31/12/2023.

d. Quản lý tài sản cố định (Tài sản cố định hữu hình, Tài sản cố định vô hình):

Trong năm, PVI đã tuân thủ và thực hiện đúng Quy định Quản lý tài sản theo Quyết định số 128/QĐ-PVI ngày 10/08/2021 của TGD về việc quản lý sử dụng tài sản cố định, công cụ dụng cụ của PVI.

Đơn vị tính: Triệu đồng

	31/12/2022	31/12/2023	Chênh lệch (Tăng/giảm)	Tỷ lệ
II. Tài sản cố định	92.594	103.090	10.496	11%
1. Tài sản cố định hữu hình	91.223	102.317	11.094	12%
<i>Nguyên giá</i>	254.766	282.598	27.831	11%
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(163.543)	(180.281)	(16.737)	10%
2. Tài sản cố định vô hình	1.371	773	(598)	(44%)
<i>Nguyên giá</i>	8.468	8.468	-	0%
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(7.097)	(7.695)	(598)	8%
III. Bất động sản đầu tư	939.833	904.230	(35.603)	(4%)
<i>Nguyên giá</i>	1.252.882	1.252.882	-	0%
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(313.049)	(348.652)	(35.603)	11%

- BCTC riêng phản ánh Tài sản cố định tăng 11% và Bất động sản đầu tư giảm nhẹ so với đầu kỳ tương ứng với giá trị trích khấu hao trong kỳ và giá trị tài sản cố định hữu hình mà PVI thực hiện mua sắm trong kỳ.

- Trong năm 2023, hoạt động của Trung tâm Công nghệ thông tin và Trung tâm Quản lý và Kinh doanh dịch vụ tiếp tục được đẩy mạnh, chuyên môn hóa để tối ưu công tác kinh doanh văn phòng, quản lý tài sản cố định, cơ sở hạ tầng một cách chuyên nghiệp, đồng bộ với toàn hệ thống.

e. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang: Không có

f. Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Giá trị góp vốn	% năm giữ	Dự phòng đã trích	Cổ tức trả Cty Mẹ trong kỳ	Kết quả hoạt động SXKD	
					Tổng doanh thu / Thu nhập đã thực hiện	LNST/ LN ròng đã thực hiện
I. Công ty con	5.855					
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	3.300	100%		523	14.553	636
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (nay là Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Hà Nội)	1.161	81,09%		136	2.990	202
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ PVI	47	89%		8	55	7
Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI	827	41,36%		74	247	225
Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI	520	34,67%		47	175	153
II. Các khoản đầu tư khác	43,5					
Đầu tư vào đơn vị khác (PVR)	43,5		(38)			

Tính đến thời điểm báo cáo PVI đang tham gia đầu tư vào 6 Công ty/ Quỹ đầu tư với tổng giá trị góp vốn theo mệnh giá 5.899 tỷ đồng, trong đó:

- Đầu tư vào 5 Công ty/Quỹ đầu tư:
 - + Tổng công ty Bảo hiểm PVI với tỷ lệ tham gia góp vốn 100% vốn điều lệ, kết quả kinh doanh năm 2023: Tổng doanh thu đạt 14.553 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế đạt 636 tỷ đồng.
 - + Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI (nay là Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Hà Nội) với tỷ lệ tham gia góp vốn 81,09% vốn điều lệ, kết quả kinh doanh năm 2023: Tổng doanh thu 2.990 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế đạt xấp xỉ 202 tỷ đồng.
 - + Công ty cổ phần Quản lý quỹ PVI với tỷ lệ tham gia góp vốn 89% vốn điều lệ, kết quả kinh doanh năm 2023: Tổng doanh thu đạt 55 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt 7 tỷ đồng.

- + Quỹ đầu tư cơ hội PVI với tỷ lệ tham gia góp vốn 41,36% vốn điều lệ, lợi nhuận đã thực hiện là 225 tỷ đồng.
- + Quỹ đầu tư hạ tầng PVI với tỷ lệ tham gia góp vốn 34,67% vốn điều lệ, lợi nhuận đã thực hiện là 153 tỷ đồng.
- Đầu tư dài hạn khác tại Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp dầu khí Việt Nam (PVR) với tổng mức đầu tư là 43,5 tỷ đồng.

g. Quản lý công nợ phải trả:

- Nợ phải trả tại 31/12/2023 là 339 tỷ đồng, giảm 127 tỷ đồng so với đầu kỳ, chủ yếu do giảm nợ phải trả ngắn hạn (giảm 140 tỷ phải trả chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh)
- Hệ số nợ phải trả/VCSH là 0,05 lần, giảm so với đầu kỳ (0,065 lần) do nợ phải trả giảm so với đầu kỳ và vốn chủ sở hữu tăng 26 tỷ so với thời điểm 31/12/2022.

h. Xử lý nợ xấu:

PVI vẫn đang tích cực đẩy mạnh việc thu hồi các khoản đầu tư cũ.

Đối với khoản đầu tư Trái phiếu Sông Đà Thăng Long: HĐQT PVI đã ban hành Nghị quyết số 15/NQ-PVI ngày 17/03/2023 để giao Người đại diện PVI tại HĐQT Bảo hiểm PVI xử lý thu hồi khoản đầu tư và báo cáo PVI về kết quả thực hiện.

i. Quản lý các khoản bảo lãnh, ủy thác: không có

j. Trích lập dự phòng:

- Công ty thực hiện đầy đủ việc trích lập dự phòng theo quy định của Bộ tài chính và Quy chế Quản lý tài chính của công ty.
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh 37 tỷ đồng giữ nguyên so với đầu kỳ.
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn là 38 tỷ đồng tăng 4 tỷ đồng so với đầu kỳ do tại thời điểm lập BCTC, giá thị trường của mã chứng khoán PVR biến động giảm.
- Dự phòng phải thu khó đòi 160 triệu đồng, tăng nhẹ 72 triệu đồng so với đầu kỳ.

Đơn vị tính: Triệu đồng

	31/12/2022	31/12/2023	Chênh lệch		Tỷ lệ /vốn CSH
			Số tiền	Tỷ lệ	
1. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(37.086)	(37.086)	-	0%	(0,52%)
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(34.365)	(37.990)	(3.625)	(27%)	(0,53%)
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(87)	(160)	(72)	(89%)	
4. Dự phòng phải trả dài hạn	72	72	-	0%	

k. Nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước:

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Số đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ
		Số phải nộp	Số đã thực nộp	
	VND	VND	VND	VND

Thuế giá trị gia tăng	(3.284)	28.754	28.754	(3.284)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.048	24.159	20.835	14.372
Thuế, phí phải nộp khác	3.853	29.376	30.713	2.517
Cộng	11.618	82.290	80.302	13.605

Công ty thực hiện tốt nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước, không tồn tại các khoản nợ đọng nào. Năm 2023 số phải nộp NSNN là 82,2 tỷ đồng, đạt 186% so với kế hoạch năm (44 tỷ đồng).

I. Phân phối lợi nhuận và việc trích lập/sử dụng các quỹ:

- Thực hiện Nghị quyết 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023, Công ty thực hiện trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi 4% lợi nhuận sau thuế được phân phối, và trích Quỹ Khen thưởng Ban điều hành 0,3% lợi nhuận sau thuế được phân phối, tổng cộng 35 tỷ đồng.
- Trong năm 2023, Công ty không thực hiện trích Quỹ Đầu tư phát triển. Số dư Quỹ Đầu tư phát triển tại ngày 31/12/2023 là 179 tỷ đồng, không thay đổi so với đầu kỳ. Toàn bộ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận chưa phân phối đã được sử dụng để đầu tư vào các công ty con và các tài sản khác nhằm mục đích sinh lợi.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại 1/1/2022	2.342	3.717	179	908	7.147
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	816	816
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(41)	(41)
Chia cổ tức	-	-	-	(773)	(773)
Số dư tại 1/1/2023	2.342	3.717	179	911	7.149
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	764	764
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(35)	(35)
Chia cổ tức	-	-	-	(703)	(703)
Số dư tại 31/12/2023	2.342	3.717	179	937	7.175

1.3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Diễn giải	Năm 2022	Năm 2023	So sánh tăng/giảm	
			Giá trị	Tỷ lệ (%)
1. Doanh thu bán hàng	684.903	300.726	(384.177)	(56,1%)
2. Giá vốn hàng bán	430.409	192.525	(237.884)	(55,3%)
3. Lợi nhuận gộp	254.494	108.201	(146.293)	(57,5%)
4. Doanh thu tài chính	760.879	823.056	62.177	8,2%
5. Chi phí tài chính	9.495	5.250	(4.244)	(45%)
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	130.885	139.565	8.680	6,6%
8. Thu nhập khác	20	2.067	2.047	10248,8%

Diễn giải	Năm 2022	Năm 2023	So sánh tăng/giảm	
			Giá trị	Tỷ lệ (%)
9. Chi phí khác	235	18	(217)	(92,5%)
10. Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	874.779	788.492	(86.287)	(9,9%)
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30.566	24.159	(6.407)	(21%)
12. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28.036	-	28.036	(100%)
13. Lợi nhuận sau thuế TNDN	816.177	764.333	(51.844)	(6,4%)

- Tổng doanh thu năm 2023 đạt 1.126 tỷ đồng bằng 78% so với cùng kỳ năm 2022 đạt 103% so với kế hoạch năm.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2023 đạt 764 tỷ đồng, bằng 94% so với cùng kỳ năm 2022, đạt 108% kế hoạch năm.

2. Đối với BCTC hợp nhất:

2.1. Tình hình tài chính tại thời điểm báo cáo:

a. Các chỉ tiêu tổng hợp:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TÀI SẢN (VND)				NGUỒN VỐN (VND)			
Diễn giải	31/12/2022	31/12/2023	So sánh (%)	Diễn giải	31/12/2022	31/12/2023	So sánh (%)
A. Tài sản NH	22.625.450	21.466.481	95%	A. Nợ phải trả	18.264.565	18.843.303	103%
1. Tiền và TĐ tiền	1.423.600	877.163	62%	1. Nợ ngắn hạn	18.195.199	18.697.769	103%
2. Đầu tư TCNH	8.635.742	7.875.937	91%	1.1. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	13.818	29.889	216%
3. Phải thu ngắn hạn	11.874.634	12.037.832	101%	1.2. Phải trả NH người bán và khác	3.568.524	3.185.879	89%
4. Trích lập DP phải thu NH khó đòi	(226.317)	(231.115)	102%	1.3. Thuế và các khoản PNNN	186.283	210.971	113%
5. Hàng tồn kho	2.427	1.479	61%	1.4. Phải trả ngắn hạn khác	108.290	85.993	79%
6. Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho				2. Nợ dài hạn	69.366	145.534	210%
7. TS NH khác	689.047	674.070	98%	2.1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	36.075	107.376	298%
B. Tài sản Dài hạn	3,165,945	3,498,143	110%	B. Vốn Chủ SH	7.859.028	8.099.376	103%
1. Tài sản cố định	330,869	359,576	109%	1. Vốn góp của Chủ sở hữu	2.342.419	2.342.419	100%
2. BĐS đầu tư	1,051,864	816,373		2. Thặng dư vốn cổ phần	3.716.659	3.716.659	100%
3. Đầu tư tài chính DH	1,649,300	2,184,246	132%	3. Quỹ đầu tư phát triển	179.212	179.212	100%

TÀI SẢN (VND)				NGUỒN VỐN (VND)			
Diễn giải	31/12/2022	31/12/2023	So sánh (%)	Diễn giải	31/12/2022	31/12/2023	So sánh (%)
4. Trích dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(35,109)	(36,664)	104%	4. Lợi nhuận chưa phân phối	1.044.332	1.173.633	112%
5. Phải thu dài hạn	24,478	27,138	111%	4.1. LNST CPP lũy kế đến cuối kỳ trước	243.265	256.066	105%
6. Tài sản dài hạn khác	109,053	110,809	102%	4.2. LNST chưa PP kỳ này	801.067	917.566	115%
				5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	256.000	330.287	129%
Tổng tài sản	24,282,101	26,123,593	108%	Tổng nguồn vốn	26.123.593	26.942.679	103%

- Tại ngày 31/12/2023, Tổng tài sản hợp nhất là 26.942 tỷ đồng, tăng 819 tỷ đồng (3%) so với thời điểm 31/12/2022, chủ yếu do tăng các khoản Đầu tư tài chính dài hạn (2,020 tỷ đồng) và giảm Tiền và TĐ Tiền cùng các Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (1,306 tỷ đồng) do hệ thống đã đẩy mạnh và làm tốt công tác đầu tư, gửi các hợp đồng tiền gửi và trái phiếu với lãi suất cao trong dài hạn.
- Cơ cấu Tài sản Nguồn vốn của Công ty thể hiện tính thanh khoản tốt và an toàn về tài chính. Tỷ lệ thanh toán nợ đến hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn) là 1,15 lần.

c. Các chỉ số tài chính:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023
1	Nợ phải trả/Tổng Nguồn vốn (lần)	0,70	0,70
2	Hệ số nợ phải trả/Vốn Chủ sở hữu (lần)	2,32	2,33
3	Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,55	0,47
4	Khả năng thanh toán hiện thời (lần)	1,24	1,15
5	Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	1,43	1,43
6	ROE (%)	11,1%	12,6%
7	ROA (%)	3,3%	3,8%
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu (ROS) (%)	6,08%	6,26%

- Các chỉ tiêu tài chính ở mức an toàn. Các chỉ số tài chính của đơn vị biến động nhẹ theo hướng phát triển bền vững: Khả năng thanh toán nhanh, khả năng thanh toán tổng quát đều giảm nhẹ thể hiện công ty đã quản lý tốt dòng tiền để đối phó trước những diễn biến bất thường của thị trường.
- Khả năng sinh lời của công ty tốt thể hiện ở tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Tổng doanh thu đạt 6.26%, trong khi lãi suất tiền gửi thấp, lãi suất thị trường vốn tăng cao, nhiều biến động, hoạt động đầu tư gặp nhiều khó khăn (thị trường trái phiếu, bất động sản có nhiều biến động lớn).

2.2. Phân tích cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

a. Công tác quản lý vốn bằng tiền (Tiền mặt, Tiền gửi, Tạm ứng và Đầu tư tài chính):

- Trong kỳ, công ty không có phát sinh công nợ tạm ứng quá hạn. Các khoản thanh toán chi phí hàng ngày được thực hiện đúng theo quy định.
- Tiền và các khoản tương đương tiền giảm so với đầu kỳ, do đẩy mạnh việc đầu tư các khoản tiền gửi dài hạn khi lãi suất thị trường đang cao.
- Các khoản Đầu tư tài chính (bao gồm đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn) theo giá gốc tăng 1,264 tỷ đồng so với đầu kỳ, chủ yếu do tăng các khoản đầu tư nắm giữ dài hạn 2,024 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 94%.

Đơn vị tính: Triệu đồng

	31/12/2022	31/12/2023	Chênh lệch	
			Giá trị	%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.423.600	877.163	(546.437)	(38%)
1. Tiền	1.318.360	351.481	(966.879)	(73%)
2. Các khoản tương đương tiền	105.240	525.682	420.442	400%
II. Đầu tư tài chính	10.829.199	12.093.876	1.264.678	12%
1. Chứng khoán kinh doanh	1.672.410	783.708	(888.702)	(53%)
2. Đầu tư nắm giữ ngắn hạn đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)	7.000.419	7.129.315	128.896	2%
3. Đầu tư nắm giữ dài hạn đến ngày đáo hạn (dài hạn)	2.156.370	4.180.854	2.024.483	94%

b. Công tác quản lý công nợ phải thu, phải trả:

Đơn vị tính: Triệu đồng

	31/12/2022	31/12/2023	Chênh lệch	
			Giá trị	%
I. Nợ ngắn hạn	18.195.199	18.697.769	502.570	3%
II. Nợ dài hạn	69.366	145.534	76.167	110%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	11.874.634	12.037.832	163.198	1%
IV. Các khoản phải thu dài hạn	27.138	31.517	4.379	16%

- Tổng nợ phải trả tại 31/12/2023 theo BCTC hợp nhất là hơn 18.843 tỷ đồng tăng 3% so với đầu kỳ, trong đó chủ yếu là nợ ngắn hạn là 18.697 tỷ đồng chiếm 99,2%
- Nợ phải thu tại 31/12/2023 là 12.069 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là các khoản phải thu ngắn hạn 12.037 tỷ đồng
- Do đặc thù của ngành nghề kinh doanh Bảo hiểm và Tái bảo hiểm, công nợ phải thu – phải trả sẽ được thanh toán theo hình thức đối trừ, nên về tổng thể, công nợ của PVI tại BCTC hợp nhất chủ yếu là công nợ phải trả các đối tác, khách hàng.

c. Quản lý tài sản cố định (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, Bất động sản đầu tư):

Đơn vị tính: Triệu đồng

	31/12/2022	31/12/2023	Chênh lệch	
			Giá trị	%
I Tài sản cố định	359.576	354.107	(5.469)	(2%)
1. Tài sản cố định hữu hình	273.720	284.792	11.071	4%
Nguyên giá	597.231	637.496	40.266	7%

	31/12/2022	31/12/2023	Chênh lệch	
			Giá trị	%
Giá trị hao mòn lũy kế	(323.510)	(352.705)	(29.194)	9%
2. Tài sản cố định vô hình	85.856	69.315	(16.540)	(19%)
Nguyên giá	215.106	216.979	1.873	1%
Giá trị hao mòn lũy kế	(129.250)	(147.664)	(18.414)	14%
II. Bất động sản đầu tư	816.373	784.831	(31.542)	(4%)
Nguyên giá	1.105.607	1.105.607	-	0%
Giá trị hao mòn lũy kế	(289.234)	(320.776)	(31.542)	11%

- BCTC hợp nhất phản ánh Tài sản cố định giảm 5,5 tỷ đồng chủ yếu do hao mòn. Bất động sản đầu tư giảm 31,5 tỷ đồng so với đầu kỳ tương ứng với việc ghi nhận hao mòn lũy kế của các tòa nhà.

d. Các khoản trích lập dự phòng:

Đơn vị tính: Triệu đồng

	31/12/2022	31/12/2023	Chênh lệch		Tỷ lệ/vốn Điều lệ
			Giá trị	%	
1. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(37.086)	(37.086)	-	0%	0%
2. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(226.317)	(231.115)	(4.798)	2%	0%
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(36.664)	(40.289)	(3.625)	10%	0%
4. Dự phòng phải trả ngắn hạn	(13.528.767)	(14.228.147)	(699.380)	5%	30%
5. Dự phòng phải trả dài hạn	(1.407)	(1.377)	(30)	(2%)	0%

Dự phòng phải trả ngắn hạn tăng 699 tỷ đồng so với đầu kỳ chủ yếu do tăng dự phòng phí chưa được hưởng trích theo quy định của Bộ Tài chính.

e. Tình hình nộp ngân sách nhà nước:

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Số đầu năm	Phát sinh trong năm		Số cuối năm
		Số phải nộp/ phải thu	Số đã thực nộp/ thực thu	
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	3.284	-	-	3.284
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	(1.484)	1.484
Cộng	3.284	-	(1.484)	4.768
b. Các khoản phải nộp				

	Số đầu năm	Phát sinh trong năm		Số cuối năm
		Số phải nộp/ phải thu	Số đã thực nộp/ thực thu	
Thuế giá trị gia tăng	95.831	708.180	701.719	102.291
Thuế thu nhập doanh nghiệp	71.848	242.194	225.297	90.229
Thuế, phí phải nộp khác	18.605	148.879	149.033	18.450
Cộng	186.283	1.099.252	1.076.049	210.971

Trong năm 2023, số phát sinh phải nộp NSNN hợp nhất là 1.099 tỷ đồng, đạt 118% so với kế hoạch (931 tỷ đồng) và đạt 103% so với cùng kỳ năm trước. Trong kỳ PVI không phát sinh các khoản nợ đọng về Thuế.

2.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Diễn giải	Năm 2022	Năm 2023	So sánh tăng/giảm	
			Giá trị	Tỷ lệ (%)
1. Doanh thu bán hàng	13.378.373	14.661.052	1.282.679	10%
2. Doanh thu thuần bán hàng	6.495.080	6.709.340	214.259	3%
3. Giá vốn hàng bán	5.440.109	5.670.585	230.476	4%
4. Lợi nhuận gộp	1.054.972	1.038.755	(16.216)	(2%)
5. Doanh thu tài chính	942.011	1.329.507	387.497	41%
6. Chi phí tài chính	238.796	396.628	157.833	66%
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	660.354	727.852	67.499	10%
8. Thu nhập khác	43.655	92.815	49.159	113%
9. Chi phí khác	36.518	90.187	53.668	147%
10. Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.104.970	1.246.410	141.441	13%
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	202.662	242.194	39.532	20%
12. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	29.130	(2.285)	(31.383)	(108%)
13. Lợi nhuận sau thuế TNDN	873.178	1.006.501	133.324	15%

- Trong năm 2023, tổng doanh thu hợp nhất đạt 16.083 tỷ đồng, trong đó: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 14.661 tỷ đồng (chiếm 91,2% tổng doanh thu), doanh thu hoạt động tài chính đạt 1.329 tỷ đồng (chiếm 8,3% tổng doanh thu), doanh thu khác là 92,8 tỷ đồng.
- Tổng chi phí hợp nhất năm 2023 là 14.836 tỷ đồng, trong đó: các khoản giảm trừ doanh thu 7.951 tỷ đồng (bao gồm dự phòng phí và phí nhượng tái), giá vốn hàng bán là 5.670 tỷ đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp là 727,8 tỷ đồng, chi phí hoạt động tài chính là 396,6 tỷ đồng và chi khác 90 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế hợp nhất đạt 1.246 tỷ đồng, tăng 141 tỷ đồng (xấp xỉ 13%) so với đầu kỳ. Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế đạt 1.006 tỷ đồng, tăng xấp xỉ 133 tỷ đồng (15%) so với cùng kỳ năm trước.

IV. Thẩm định Báo cáo hoạt động của HĐQT

- Báo cáo hoạt động của HĐQT đã phản ánh đầy đủ các hoạt động quản trị doanh nghiệp của HĐQT trong năm 2023.
- HĐQT đã tổ chức buổi họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 vào ngày 26/04/2023. ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 đã thông qua Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ, ngoài việc thông qua các nội dung báo cáo định kỳ hàng năm thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ như Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo hoạt động của HĐQT & BKS, Phương án phân phối lợi nhuận 2022 và kế hoạch phân phối lợi nhuận 2023, Phương án chi trả thù lao..., ĐHĐCĐ đã thông qua một số vấn đề quan trọng như: Cập nhật sửa đổi Quy chế hoạt động của BKS, Kết chuyển thặng dư vốn điều lệ.
- Trong năm 2023, HĐQT đã tiến hành 04 phiên họp vào các ngày 07/03/2023, 25/05/2023, 19/09/2023, 28/11/2023. Trong năm 2023, HĐQT đã ban hành 94 Nghị quyết HĐQT, trong đó có 19 lần xin ý kiến các thành viên HĐQT và 5 lần xin ý kiến các thành viên UB giúp việc HĐQT bằng văn bản để định hướng, chỉ đạo Ban điều hành PVI hoàn thành KHKD năm 2023 về chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận, triển khai tốt các hoạt động về tái cấu trúc, quản trị công ty và hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế và chỉ đạo đẩy mạnh phát triển thương hiệu, khẳng định uy tín của PVI trên thị trường đảm bảo nguyên tắc phát triển Hiệu quả - Bền vững trên toàn hệ thống.
- Trong năm 2023, các Ủy ban thuộc HĐQT (Ủy ban Chiến lược & Phát triển, Ủy ban Kiểm toán & Quản trị rủi ro, Ủy ban Đầu tư, Ủy ban Thù lao & Bổ nhiệm) đã phát huy vai trò và tăng cường hiệu quả hoạt động. Các Ủy ban đã họp định kỳ hàng quý trước các cuộc họp HĐQT để thực hiện tư vấn, tham mưu cho HĐQT về các nội dung: xây dựng, hoàn thiện và giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh; rà soát, sửa đổi, bổ sung các Quy chế/ Quy định nội bộ; rà soát hiệu quả hoạt động đầu tư thông qua các Quỹ; kiện toàn nhân sự cấp cao... giúp nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị doanh nghiệp trên toàn hệ thống PVI.

V. Đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với cổ đông, HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý

- Trong năm 2023, Ban Kiểm soát duy trì sự phối hợp tốt với Cổ đông, HĐQT và Ban Tổng giám đốc. BKS và các thành viên HĐQT là đại diện cho các cổ đông PVN, HDI/FLL và IFC thường xuyên trao đổi thông tin để có được sự phối hợp tốt, đồng thuận giữa các cổ đông lớn đối với những dự án, chiến lược, chủ trương mang tính quyết định nhằm mang lại những lợi ích tối đa cho PVI.
- Ban BKS đã nhận được sự hợp tác tốt từ HĐQT và Ban TGD. Ban TGD và các cán bộ quản lý tại các phòng ban chức năng đã tạo điều kiện về cơ sở vật chất cũng như cung cấp đầy đủ thông tin tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của BKS.
- Đại diện HĐQT, Ban điều hành và những cán bộ quản lý khác đã tham gia đầy đủ các cuộc họp BKS, trao đổi, thảo luận cùng các thành viên BKS để kịp thời đưa ra các giải pháp phù hợp đóng góp cho công tác quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh.

VI. Báo cáo về công tác giám sát việc thực hiện báo cáo giao dịch với các bên liên quan:

1. Giám sát việc thực hiện báo cáo đánh giá các giao dịch của người có liên quan:

Thực hiện quy định tại Khoản 4, Điều 290, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc đánh giá các giao dịch của người có liên quan, PVI đã xây dựng và ban hành Quy trình lập báo cáo và theo dõi các giao dịch của người có liên quan.

a. Việc xây dựng Quy định/Quy trình:

TGD PVI đã ban hành Quy trình lập báo cáo các lợi ích liên quan (QT.01.PCTT&QTRR) áp dụng từ ngày 15/09/2021 và thông báo yêu cầu áp dụng quy trình. Việc kê khai lợi ích liên quan lần đầu đã được thực hiện đầy đủ và các cá nhân có trách nhiệm cập nhật khi có thay đổi.

TGD PVI đã ban hành Quy trình (QT.02.PCTT&QTRR) áp dụng từ ngày 01/10/2021 về giao kết và quản lý hợp đồng trong đó đảm bảo việc giao dịch với các bên liên quan được phê duyệt đầy đủ bởi cấp có thẩm quyền.

Trong năm 2022, TGD PVI đã ban hành Quy chế phản ứng gian lận nội bộ áp dụng từ ngày 08/06/2022 và Quy định quản lý giao dịch nội gián và báo cáo lợi ích liên quan áp dụng từ ngày 19/10/2022 nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống quản trị, giám sát.

Trong năm 2023, Dự án Tuân thủ và Quản trị rủi ro (ERM) hoàn thiện là nền tảng để Ban Điều hành và HĐQT cùng BKS tiếp tục nâng cao công tác quản trị, giám sát của cá nhân/đơn vị trong hệ thống.

b. Việc theo dõi thực hiện:

Việc theo dõi những cập nhật kê khai lợi ích liên quan do Ban Pháp chế Tuân thủ và Quản trị rủi ro trực tiếp thực hiện, hàng quý đều có báo cáo BKS tình hình thực hiện trong quý.

c. Đánh giá của BKS:

PVI và các cá nhân liên quan cơ bản đã tuân thủ việc công bố thông tin về việc giao dịch và kết quả giao dịch. PVI đã xây dựng, sửa đổi và bổ sung thêm các Quy định/ Quy trình để phù hợp với hoạt động thực tiễn của doanh nghiệp. Các báo cáo giám sát, quản trị rủi ro được thực hiện đầy đủ, kịp thời để hỗ trợ Ban Kiểm soát nâng cao hơn vai trò giám sát.

2. Báo cáo giao dịch với các bên liên quan:

Giao dịch giữa PVI, các công ty con của PVI đối với các bên liên quan trong năm 2023 chi tiết như sau:

➤ Đối với Công ty mẹ PVI Holdings:

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan:

	Đơn vị tính VND
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	100.680.909.605
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Hà Nội	4.998.140.643
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI	2.458.299.307

➤ Đối với hệ thống PVI bao gồm Công ty mẹ và các công ty con:

- Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan: 1.747.600.644.595 VNĐ
 - Các giao dịch khác với các bên liên quan: 396.261.489.944VNĐ
- (Chi tiết về các giao dịch đã được trình bày tại Báo cáo tài chính kiểm toán số 0397/VN1A-HN-BC ngày 16/02/2024 của Công ty TNHH Deloitte Việt nam).

Ngoài ra, trong năm 2023 không phát sinh giao dịch giữa PVI, các công ty con của PVI với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người Điều hành khác của doanh nghiệp và các cá nhân là người có liên quan của những đối tượng đó.

3. Chi tiết giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của PVI:

STT	Quan hệ với	Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 31/12/2022	Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 31/12/2023	Lý do tăng, giảm (mua, bán)
-----	-------------	--	--	-----------------------------

	Người thực hiện giao dịch	người nội bộ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	bán, chuyển đổi, thưởng...)
1	HDI Global SE		90.105.809	38,47%	91.105.809	38,89%	Đầu tư
2	Funderburk Lighthouse		29.372.195	12,54%	29.535.195	12,61%	Đầu tư

PHẦN B: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 CỦA BAN KIỂM SOÁT

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2023:

BKS PVI hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các quy định hiện hành của Nhà nước, Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của BKS PVI. BKS tổ chức họp định kỳ hàng quý giữa các thành viên với nội dung: (i) Kiểm điểm tình hình thực hiện các kiến nghị của BKS trong quý trước; (ii) Trao đổi làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của PVI với đại diện Hội đồng quản trị, đại diện Ban điều hành và các cán bộ liên quan; (iii) Thống nhất những ý kiến đánh giá, kiến nghị với PVI; và (iv) Xây dựng, điều chỉnh kế hoạch hoạt động của BKS.

BKS định kỳ tiến hành giám sát và đánh giá hoạt động của PVI qua các báo cáo từ các ban nghiệp vụ, người đại diện của PVI tại các công ty con và trực tiếp kiểm tra một số hồ sơ tài liệu liên quan. Phối hợp với Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro, Ban kiểm toán nội bộ, xây dựng kế hoạch và nội dung kiểm tra giám sát và thực hiện kiểm tra giám sát.

Nội dung kiểm tra giám sát trong năm 2023 bao gồm:

- Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của HĐQT, Ban TGD. Tình hình thực hiện các Nghị quyết ĐHCĐ, HĐQT.
- Giám sát tình hình hoạt động của HĐQT và thẩm định báo cáo hoạt động của HĐQT.
- Giám sát và trực tiếp tham gia việc sửa đổi và hoàn thiện các Quy chế, quy định nội bộ của PVI.
- Kiểm tra việc thực hiện các quy chế của người đại diện PVI tại các công ty con.
- Giám sát và đánh giá việc xây dựng và thực hiện kế hoạch quý và năm; Thẩm định Báo cáo Tài chính quý và năm; Đánh giá, phân tích các chỉ tiêu tài chính quý và năm...
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện báo cáo giao dịch của người có liên quan
- Giám sát thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát trong kỳ và tình hình thực hiện và xử lý các khuyến nghị của Đoàn kiểm tra của các cơ quan chức năng của nhà nước, đơn vị chức năng có thẩm quyền.

Ban kiểm soát gồm có 04 kiểm soát viên, trong đó 01 kiểm soát viên chuyên trách làm Trưởng ban và 3 kiểm soát viên kiêm nhiệm. Các thành viên trong BKS đã hoàn thành nhiệm vụ của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ chung và thực hiện kế hoạch hoạt động của BKS trong năm 2023. Cụ thể như sau:

- Trưởng ban kiểm soát – Bà Hà Lan: Chủ trì và ký các báo cáo trình ĐHCĐ; Chủ trì các cuộc họp BKS và ký các văn bản kiến nghị với HĐQT, Ban TGD và các bộ phận liên quan; Phê duyệt kế hoạch và chương trình họp, chương trình kiểm tra giám sát năm và quý và trực tiếp phối hợp với các bộ phận liên quan thực hiện kiểm tra giám sát; Giám sát và trực tiếp tham gia việc sửa đổi và hoàn thiện các quy chế và quy định nội bộ. Kiểm tra, đánh giá các báo cáo và việc thực hiện nhiệm vụ của người đại diện của PVI làm công tác kiểm tra giám sát tại công ty con. Phối hợp với thành viên khác thực hiện phân tích và thẩm định báo cáo tài chính quý và năm. Giám sát việc xây dựng và

triển khai các dự án về Quản trị rủi ro; Kế toán; Rà soát các hợp đồng giao dịch với người có liên quan thuộc quyền phê duyệt của HĐQT và ĐHĐCĐ. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên và tổng hợp các ý kiến thảo luận trong BKS; Tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ của HĐQT, Hội đồng quản trị và họp chuyên đề; Đề xuất ý kiến về tình hình hoạt động của PVI trong kỳ.

- Thành viên kiêm nhiệm - Ông Lê Tài Đức: Tổng hợp báo cáo từ người đại diện tại các công ty con định kỳ hoặc đột xuất theo chương trình của BKS; Báo cáo đánh giá về hoạt động đầu tư và công tác tuân thủ; Thực hiện công việc do TBKS phân công; Tham dự đầy đủ các cuộc họp BKS; Đề xuất ý kiến về tình hình hoạt động của PVI trong kỳ.
- Thành viên kiêm nhiệm - Ông Trần Trọng Bình: Rà soát quy chế quy định nội bộ và các nghị quyết HĐQT; Thực hiện công việc do TBKS phân công; Tham dự đầy đủ các cuộc họp BKS; Đề xuất ý kiến về tình hình hoạt động của PVI trong kỳ.
- Thành viên kiêm nhiệm- Ông Daryl John Vella: Rà soát Báo cáo tài chính; Phân tích các chỉ tiêu tài chính và đánh giá việc ghi chép sổ sách kế toán; Đánh giá công tác kiểm toán nội bộ, tuân thủ và quản trị rủi ro trong toàn hệ thống; Tham dự đầy đủ các cuộc họp BKS; Đề xuất ý kiến về tình hình hoạt động của PVI trong kỳ.

Trong năm 2023, BKS đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ vào ngày 03/03/2023, 08/09/2023, 22/05/2023 và 24/11/2023 và đồng thời tiến hành giám sát và đánh giá hoạt động của PVI qua các báo cáo tài chính và các báo cáo từ các ban nghiệp vụ, người đại diện của PVI tại các công ty con, công ty liên kết và trực tiếp kiểm tra một số hồ sơ tài liệu liên quan nhằm trao đổi những nội dung (i) kiểm điểm tình hình thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát trong quý trước đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc, (ii) Trao đổi làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của PVI với đại diện Hội đồng quản trị, đại diện Ban Tổng giám đốc và các cán bộ liên quan; (iii) Thống nhất những ý kiến đánh giá và đưa ra kiến nghị với PVI, (iv) Xây dựng, điều chỉnh kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát.

HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý đã thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của BKS sau mỗi kỳ họp BKS và ý kiến tại các cuộc họp chuyên đề. Việc thực hiện được cụ thể hóa bằng các Nghị quyết HĐQT, Kết luận các cuộc họp Ủy ban, Chỉ thị của TGD và văn bản báo cáo của người đại diện tại các công ty con.

Chi tiết các cuộc họp của BKS:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự
1	Bà Hà Lan	4/4	100%	100%	
2	Ông Trần Trọng Bình	4/4	100%	100%	
3	Ông Daryl John Vella	4/4	100%	100%	
4	Ông Lê Tài Đức	4/4	100%	100%	

Trong quá trình hoạt động giám sát cũng như sau mỗi quý, BKS đã tổng hợp các ý kiến của các thành viên để thống nhất ý kiến đánh giá, phân tích và đưa ra các kiến nghị trong công tác điều hành kinh doanh và quản lý của PVI nhằm khắc phục kịp thời các tồn tại đảm bảo công tác kinh doanh của PVI đạt hiệu quả cao nhất.

Thù lao và chi phí hoạt động của BKS: Trong năm 2023 PVI đã chi trả thù lao cho 4 thành viên BKS trong đó có 1 thành viên chuyên trách và 3 thành viên kiêm nhiệm, bao gồm 12 tháng lương + 03 tháng lương bổ sung theo Quy chế trả lương (không bao gồm lương bổ sung hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận năm 2023), tổng cộng là: 2.570.000.000 đồng. Chi tiết tiền lương và thù lao như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Họ tên	Chức danh	Tiền lương/thù lao
-----	--------	-----------	--------------------

1	Bà Hà Lan	Trưởng BKS	2.210
2	Ông Lê Tài Đức	TV BKS kiêm nhiệm	120
3	Ông Daryl John Vella	TV BKS kiêm nhiệm	120
4	Ông Trần Trọng Bình	TV BKS kiêm nhiệm	120

+ Ngoài ra, trong năm 2023, thành viên BKS được nhận thêm lương bổ sung hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận năm 2023 (đã hạch toán chi phí trong năm 2023) là 1.766.900.000 đồng.

+ Thành viên BKS chuyên trách được tham gia chương trình bảo hiểm phúc lợi theo các mức đối với từng chức danh, nguồn chi từ chi phí của PVI với thời hạn chương trình 10 năm.

+ Các chi phí hoạt động của BKS trong năm được thực hiện theo đúng quy chế, quy định của PVI

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện
I	Nhiệm vụ thường xuyên	
1	Kiểm tra/giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024; tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn; bảo toàn và phát triển vốn; tình hình thực hiện kế hoạch SXKD hàng quý; kiểm tra/giám sát tình hình triển khai, tiến độ thực hiện và hiệu quả các dự án đầu tư.	Thường xuyên
2	Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông; giám sát doanh nghiệp về công tác công bố thông tin về người có liên quan và giao dịch với người có liên quan.	Thường xuyên
3	Kiểm tra/giám sát việc thực hiện tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp theo Quyết định/Chỉ thị/Nghị quyết được phê duyệt.	Thường xuyên
II	Nhiệm vụ định kỳ	
1	Lập báo cáo hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban Kiểm soát trình ĐHĐCĐ thông qua và tổ chức thực hiện.	Tháng 2/2024
2	Phối hợp làm việc với Chủ nhiệm UBKT & QTRR PVI, Kế toán trưởng PVI hoàn thiện các yêu cầu kỹ thuật để lựa chọn Kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính 2024 của PVI, trình Đại hội cổ đông thường niên 2024 phê duyệt.	Tháng 1/2024
3	Thẩm định quỹ tiền lương thực hiện năm 2023 của Người lao động và Người quản lý đơn vị.	Quý I

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện
I	Nhiệm vụ thường xuyên	
4	Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực, mức độ tuân thủ quy chế kiểm toán nội bộ và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của đơn vị; có các kiến nghị, đề xuất nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.	Quý II và Quý 4
5	Tổ chức họp Ban Kiểm soát PVI.	Hàng quý/ Bất thường
6	Rà soát, đánh giá về giao dịch có liên quan theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.	Q3/2024 & Q1/2025
7	Giám sát việc triển khai xây dựng hệ thống Quản trị rủi ro của PVI Holdings và các công ty con.	Hàng Quý
8	Kiểm tra/giám sát hoạt động của PVI tại các Công ty con và việc bảo toàn vốn của PVI tại các Công ty này.	Hàng Quý
9	Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của các báo cáo theo quy định, trong đó:	Hàng Quý
	Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023;	Tháng 2
	Thực hiện Thẩm định Báo cáo tài chính Quý; bán niên năm 2024.	Tháng 4, 7, 10
10	Kiểm tra/giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024; tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn; bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu; tình hình thực hiện KH SXKD hàng quý; kiểm tra/giám sát tình hình triển khai, tiến độ thực hiện và hiệu quả các dự án đầu tư.	Hàng Quý
11	Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước, các đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ của cổ đông lớn, của đơn vị trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị;	Khi có yêu cầu
12	Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và xử lý các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra của các cơ quan nhà nước, chức năng có thẩm quyền tại đơn vị.	Hàng Quý
13	Lập báo cáo giám sát hàng quý và các báo cáo khác theo yêu cầu của cổ đông lớn và cơ quan quản lý nhà nước	Tháng 4,7,10/theo yêu cầu 1, yêu cầu
14	Giám sát việc xây dựng, giao KH SXKD năm 2025, việc thực hiện chiến lược phát triển của PVI.	Quý IV

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện
I	Nhiệm vụ thường xuyên	
15	Làm việc với tư vấn độc lập khi phát sinh nhu cầu sử dụng tư vấn bên ngoài của BKS PVI.	Khi có yêu cầu
16	Rà soát tính hợp lý, hợp lệ của các hợp đồng, dịch vụ thuê ngoài.	Khi có yêu cầu
17	Giám sát hoạt động kiểm kê tài sản cuối năm tại đơn vị.	Theo Kế hoạch kiểm kê

Nhân sự thực hiện các nội dung công việc nêu trên theo phân công của Trưởng ban kiểm soát.

Trân trọng./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Hà Lan